

Số: /BC-SXD Hà Nam, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2023

Kính gửi:

- Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành xây dựng theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ Xây dựng quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Sau khi tổng hợp ý kiến của các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố trên địa bàn tỉnh, Sở Xây dựng Hà Nam báo cáo về tình hình hoạt động xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2023 với những nội dung sau:

I. Tình hình hoạt động xây dựng

1. Về cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và 02 gửi đính kèm theo).

2. Về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

a) Về chứng chỉ hành nghề của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

Tổng số chứng chỉ đã cấp năm 2023: **91 chứng chỉ.**

Trong đó:

- Hạng II: 31 chứng chỉ

- Hạng III: 60 chứng chỉ

b) Về điều kiện năng lực của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng

Tổng số chứng chỉ đã cấp năm 2023: **29 chứng chỉ.**

Trong đó:

- Hạng II: 09 chứng chỉ

- Hạng III: 20 chứng chỉ

3. Về số lượng cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài:

Tổng số: **01 giấy phép**.

Trong đó:

- Giấy phép thầu thi công: 01 giấy phép

- Giấy phép thầu tư vấn: 0 giấy phép

4. Về công tác thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 gửi đính kèm theo).

II. Tình hình chất lượng, công tác quản lý chất lượng và quản lý an toàn thi công xây dựng trên địa bàn

II.1. Số lượng công trình xây dựng

1. Thống kê số lượng công trình thông qua công tác kiểm tra nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng theo thẩm quyền:

Loại công trình	Đang tổ chức kiểm tra					Đã chấp thuận nghiệm thu					Không chấp thuận nghiệm thu				
	Cấp công trình					Cấp công trình					Cấp công trình				
	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV	Đặc biệt	I	II	III	IV
Dân dụng				09	56			02	27	43					
Công nghiệp			08	18				17	34	26					
Giao thông			01	03	42			04	08	79					
Nông nghiệp và PTNT					04					05					
Hạ tầng kỹ thuật					42				04	28					
Tổng số	0	0	09	30	144	0	0	23	73	181	0	0	0	0	0

Trong đó:

a) Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách Trung ương: 11 công trình;

b) Số công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương: 351 công trình;

c) Số công trình xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác: 98 công trình.

2. Đánh giá về công tác quản lý chất lượng trên địa bàn:

a) Về chất lượng thi công xây dựng: Công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh đảm bảo yêu cầu quản lý chất lượng.

b) Về tình hình vi phạm quy định về quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng đã bị xử lý vi phạm hành chính: **Không có**

c) Số lượng các công trình bị đình chỉ thi công xây dựng, đình chỉ khai thác, sử dụng: **Không có**

II.2. Sự cố công trình xây dựng

1. Thống kê số lượng sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng: **Không có** công trình nào để xảy ra sự cố

2. Kết quả giám định chất lượng, giải quyết sự cố công trình xây dựng

- Công tác giám định chất lượng, giám định nguyên nhân sự cố đối với các công trình xây dựng theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 52 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP: **Không có**

- Kết quả giải quyết các sự cố thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 46 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP: **Không có**

II.3. Kết quả thực hiện xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình, công bố công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế, xem xét và thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình

1. Kết quả thực hiện xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình quy định tại Điều 39 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Điều 17 của Thông tư số 10/2021/TT-BXD:

Các nhà thầu có tổ chức lập, thực hiện kế hoạch về an toàn lao động và hướng dẫn người lao động tham gia thực hiện các biện pháp an toàn lao động trong thi công xây dựng. Các kế hoạch an toàn lao động được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Kết quả thực hiện công bố công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế quy định tại Điều 41 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; Điều 19 của Thông tư số 10/2021/TT-BXD: **Không có**

3. Kết quả thực hiện xem xét và thông báo ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp quy định tại Điều 41 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP: **Không có**

II.4. Quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng

1. Công tác quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng (chủ đầu tư; các nhà thầu thi công xây dựng công trình; người lao động), bao gồm:

- Việc tổ chức quản lý công tác an toàn lao động theo quy định;

- Việc lập, chấp thuận và thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình: Trước khi thi công các nhà thầu tổ

chức lập, trình chủ đầu tư chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng.

- Việc tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình: Tuân thủ theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về an toàn lao động kỹ thuật quốc gia QCVN 18: 2021/BXD về an toàn trong thi công xây dựng; các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn khác áp dụng về an toàn lao động.

- Quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng: Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng được kiểm định kỹ thuật an toàn bởi các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Việc kiểm tra, giám sát về an toàn lao động trong thi công xây dựng, gồm: Số lượng công trình đã kiểm tra, số lượng nhà thầu thi công xây dựng đã được kiểm tra: Các công trình xây dựng đều được kiểm tra giám sát về công tác an toàn lao động. Tuy nhiên, một số công trình qua công tác kiểm tra vẫn chưa thực hiện đầy đủ các công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo kế hoạch đã được lập (*chưa lập hàng rào bao che công trình, chưa có biển cảnh báo giao thông khu vực có công trình đang thi công xây dựng...*).

- Việc tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người quản lý, sử dụng lao động và người lao động tham gia thi công xây dựng công trình: Các cán bộ phụ trách an toàn lao động đều được huấn luyện về an toàn lao động, được cấp chứng chỉ về an toàn lao động; người lao động tham gia thi công xây dựng công trình đều được phổ biến, tập huấn về an toàn lao động.

2. Tình hình tai nạn lao động trong thi công xây dựng: Trong quá trình thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh **không có** công trình nào để xảy ra tai nạn lao động.

Sở Xây dựng Hà Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo SXD;
- Lưu: VT, QLXD;
- CV (PLH)-2023/

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Phụ lục số 01

(Biểu số 01/BCĐP - Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng)

TỔNG SỐ CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI TRÊN ĐỊA BÀN

(năm 2023)

	Mã số	Tổng mức đầu tư (hoặc dự toán) (triệu đồng)		Tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn (công trình)	
		Số liệu cùng kỳ năm trước	Số liệu trong kỳ báo cáo	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	1	2	3	4
Tổng số	1				
I. Phân theo quy mô dự án		4.478.702	10.736.961	266	345
- Công trình thuộc dự án quan trọng quốc gia	2				
- Công trình thuộc dự án nhóm A	3	0	4.950.000	0	1
- Công trình thuộc dự án nhóm B	4	1.947.836	2.874.011	14	19
- Công trình thuộc dự án nhóm C	5	2.530.866	2.912.950	252	325
II. Phân loại công trình theo công năng		4.478.702	10.736.961	266	345
- Công trình dân dụng	6	843.051	1.379.534	89	122
- Công trình công nghiệp	7	0	15.503	6	14
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	8	311.080	688.042	40	73
- Công trình giao thông	9	2.159.090	8.275.801	117	118
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	10	1.165.481	378.081	14	18

Phụ lục số 02

(Biểu số 02/BCĐP - Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng)

TỔNG SỐ GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐƯỢC CẤP VÀ SỐ CÔNG TRÌNH VI PHẠM QUY ĐỊNH TRẬT TỰ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN (năm 2023)

	Đơn vị tính	Mã số	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo
A	B	C	1	2
I. Tổng số giấy phép xây dựng được cấp	GPXD	1	1.088	1.147
Chia ra:				
1. Cấp cho nhà ở riêng lẻ	GPXD	2	985	1.054
2. Cấp cho các công trình/dự án	GPXD	3	103	93
II. Tổng số các công trình được kiểm tra, thanh tra về trật tự xây dựng		4	485	300
Trong đó:				
1. Số công trình vi phạm quy định trật tự xây dựng	Công trình	5	68	92
1.1. Không phép	Công trình	6	41	65
1.2. Sai phép	Công trình	7	17	15
1.3. Vi phạm khác	Công trình	8	10	12
2. Kết quả xử phạt				
2.1. Số lượng quyết định xử phạt	Quyết định	9	10	13
2.2. Số lượng quyết định xử phạt đã được chấp hành	Quyết định	10	10	11
2.3. Số lượng QĐ xử phạt bị cưỡng chế thi hành	Quyết định	11	0	0

Phụ lục số 03

(Mẫu số 002, Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16/01/2023
của Bộ Xây dựng)

CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐTXD VÀ THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ (năm 2023)

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Các huyện, TP	Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng				Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	
	Vốn đầu tư công (ĐVT: Số lượt hồ sơ được thẩm định)	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (ĐVT: Số lượt hồ sơ được thẩm định)	Vốn khác (ĐVT: Số lượt hồ sơ được thẩm định)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)*	Tổng số đã thẩm định (ĐVT: Số lượt hồ sơ được thẩm định)	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)**
Sở Xây dựng	20	1	23	1.542.090,05	20	675.570,03
Sở Giao thông vận tải	10	0	0		12	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	0	0	386.088,68	1	291.545,33
Sở Công thương	18	12	8	169.103,00	21	177.321,00
UBND TP Phủ Lý	0	0	0		105	831.594,20
UBND huyện Kim Bảng	1	0	0	70.000,00		
UBND huyện Thanh Liêm	0	0	0		5	113.396,00
UBND huyện	5	0	0	424.619,87	5	129.831,21

Lý Nhân						
UBND huyện Bình Lục	0	0	0		1	11.809,00
UBND thị xã Duy Tiên	70	0	0	905.016,85	1	284.898,55
Ban Quản lý Khu công nghiệp			48			
Tổng cộng, TB	126	13	79	3.496.918,45	171	2.515.965,32

* và **: Chỉ yêu cầu tổng hợp đối với dự án có tổng mức đầu tư/dự toán xây dựng sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công.